

Số: 84 /2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân công nhiệm vụ để thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 230/TTr-STC ngày 23 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định phân công nhiệm vụ để thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân công nhiệm vụ để thực hiện quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước được phân công thực hiện các nhiệm vụ đề thực hiện quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 3. Bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm chủ trì đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả bình ổn giá đối với các hàng hóa dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với các mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm chấp hành biện pháp bình ổn giá được công bố và thực hiện kê khai lần đầu, kê khai lại mức giá hàng hóa, dịch vụ đang thực hiện theo quy định kể từ ngày biện pháp bình ổn giá được áp dụng.

4. Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo các tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Giá số 16/2023/QH15 và khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định.

Điều 4. Định giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

2. Lập phương án giá: Cơ quan được giao thẩm định phương án giá quy định tại điểm a khoản 3 Điều này tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

3. Thẩm định phương án giá:

a) Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá, hình thức định giá và trách nhiệm thẩm định phương án giá được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

b) Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ (quy định tại Phụ lục I) có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Tài chính và cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thẩm định phương án giá.

4. Trình phương án giá:

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ (quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này) có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ (quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này) có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá; ban hành văn bản định giá cụ thể sau khi có văn bản định giá khung giá hoặc giá tối đa, giá tối thiểu của Bộ chuyên ngành sau khi rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

5. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực được phân công thẩm định phương án giá có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

Điều 5. kê khai giá

1. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính.

2. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá:

a) Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá, có quyền yêu cầu các tổ chức thực hiện kê khai giá bổ sung đầy đủ nội dung kê khai giá trong trường hợp kê khai thiếu nội dung theo quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và được sử dụng mức giá kê khai trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định.

b) Đối tượng phải kê khai giá: Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh và nằm trong danh sách đối tượng phải kê khai giá theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

c) Cơ quan tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm thông báo hình thức tiếp nhận kê khai giá cho các tổ chức cá nhân thực hiện kê khai.

3. Việc ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá (sau đây gọi là Danh sách kê khai giá)

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thực hiện rà soát, tổng hợp danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo ngành, lĩnh vực quản lý, đảm bảo không thuộc danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận kê khai giá rà soát, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung.

4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật

đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền kê khai giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

Điều 6. Hiệp thương giá

Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý mà bên mua và bên bán không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Luật Giá.

Điều 7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được phân công tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Quyết định này.

Mục 2

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Phân công nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường:

a) Sở Tài chính:

Chủ trì tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ, đột xuất của địa phương để gửi báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (sau đây gọi là Thông tư số 29/2024/TT-BTC).

Chủ trì tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường để tham mưu UBND tỉnh báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

b) Thống kê tỉnh Bắc Ninh: Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương, phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục lương thực, thực phẩm và danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

d) Sở Xây dựng: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng và danh mục Giao thông tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

đ) Sở Công thương: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Chất đốt tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

e) Sở Y tế: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

g) Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

h) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo yêu cầu của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

i) Ủy ban nhân dân các xã, phường: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC thuộc địa bàn quản lý.

2. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC .

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC. Đối với Thống kê tỉnh, thời gian chốt số liệu các kỳ báo cáo thực hiện theo quy định báo cáo của ngành thống kê.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 1 Điều này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 01 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm. Đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng Quý II và 6 tháng, Quý III và 9 tháng, Quý IV và cả năm.

Điều 9. Xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

b) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phân công phòng chuyên môn triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 10. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương đối với:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

e) Giá hàng hóa, dịch vụ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Tài chính hoặc do Sở Tài chính chủ trì tham mưu.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương đối với:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh được giao chủ trì tham mưu;

b) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; Giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá của các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được giao tiếp nhận kê khai giá.

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

c) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Thời điểm cập nhật thông tin, dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương:

Sau tối đa 05 ngày kể từ khi văn bản, quyết định về thông tin, dữ liệu về giá được ban hành, có hiệu lực, các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương.

Mục 3

KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 11. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính:

a) Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân các xã, phường về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của cơ quan và các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Sở quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy

ban nhân dân xã, phường theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quyết định này: Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá. Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, giao Sở Tài chính ban hành quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

2. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Quyết định này: Sở Tài chính, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường ban hành kế hoạch kiểm tra và ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

2. Bãi bỏ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 2 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định về phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 14: Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh, các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 14;
- Vụ Pháp chế - Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra VB và QLXL VPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở ngành tỉnh; UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + Lãnh đạo Văn phòng;
 - + Trung tâm thông tin (đăng tải trên công báo, cổng TTĐT tỉnh);
 - + Trưởng các phòng, bộ phận trực thuộc;
 - + Lưu: VT, KTTH_{Huân}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng